

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

- I. Vị trí, đặc điểm của vận tải hàng không*
- II. Cơ sở vật chất kỹ thuật của vận tải hàng không*
- III. Vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu bằng đường hàng không Việt Nam*
- IV. Chuyên chở hàng hoá bằng đường HK quốc tế*

CHƯƠNG VI. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

1. Vị trí, đặc điểm của vận tải hàng không

1. Vị trí của vận tải hàng không
2. Đặc điểm của vận tải hàng không
3. Đối tượng vận chuyển bằng đường hàng không

I. Vị trí, đặc điểm của vận tải hàng không

1. Vị trí của vận tải hàng không

- *Theo nghĩa rộng, VT HK là tập hợp các yếu tố kinh tế-kỹ thuật, nhằm khai thác việc chuyên chở bằng máy bay một cách có hiệu quả.*
- *Theo nghĩa hẹp, VT HK là sự di chuyển của máy bay trong không trung, hay cụ thể hơn là hình thức vận chuyển hành khách, hàng hoá, hành lý, bưu kiện từ một địa điểm này đến một địa điểm khác bằng máy bay.*

I. Vị trí, đặc điểm của vận tải hàng không

1. Vị trí của vận tải hàng không

- ① VT HK có vị trí số 1 trong việc vận chuyển:
 - Hàng đòi hỏi phải giao ngay để đáp ứng nhu cầu và thời cơ thị trường
 - Hàng mau hỏng nhanh hư
 - Hàng cứu trợ khẩn cấp
 - Hàng giá trị cao, quý hiếm
- ② VT HK có vị trí quan trọng trong việc giao lưu KT-VH giữa các dân tộc, quốc gia trên thế giới
- ③ VT HK là một mắt xích quan trọng trong việc liên kết các phương thức VT khác nhau thành một phương thức VT đi suốt

→ KL:

1. Vị trí, đặc điểm của VT HK

2. Đặc điểm của VT HK

** Ưu điểm*

- Các tuyến đường là tuyến đường tự nhiên, ngắn nhất
- Ít phụ thuộc vào điều kiện địa hình và hoàn cảnh địa lý
- Khả năng thông qua cao
- Tốc độ nhanh, tính cơ động cao, khả năng khai thác lớn, thời gian vận chuyển nhanh ➡
- Là phương thức VT an toàn nhất
- Luôn sử dụng công nghệ cao (Boeing 767)
- Cung cấp dịch vụ có chất lượng cao hơn hẳn các phương thức VT khác.
- Đơn giản hoá về chứng từ và thủ tục

I. Vị trí, đặc điểm của VT HK

2. Đặc điểm của VT HK

*** Nhược điểm**

- Cước VT HK cao nhất (Boeing 747)
- Không phù hợp với việc vận chuyển hàng hoá khối lượng lớn, giá trị nhỏ, hàng cồng kềnh, siêu trường siêu trọng (Ukraina) → NX
- Đòi hỏi đầu tư lớn về cơ sở vật chất kĩ thuật cũng như đào tạo nguồn nhân lực (Forker, Boeing 777)
- Phụ thuộc nhiều vào đk thời tiết

1. Vị trí, đặc điểm của VT HK

3. Đối tượng vận chuyển bằng đường HK

- Thư, bưu kiện (Airmail): thư, bưu phẩm, bưu kiện
- Hàng chuyển phát nhanh (Express): chứng từ (documents), sách báo tạp chí, hàng cứu trợ khẩn cấp (emergency)
- Hàng hoá thông thường (air freight): là những hàng hoá thích hợp với việc vận chuyển bằng máy bay, trừ thư từ, bưu kiện, bưu phẩm và hàng chuyển phát nhanh, gồm: ➡

II. Cơ sở vật chất kỹ thuật của vận tải hàng không

- 1. Cảng hàng không/sân bay (Airport)***
- 2. Máy bay (aircraft, airplane)***
- 3. Các trang thiết bị xếp dỡ vận chuyển hàng hoá***

II. Cơ sở vật chất kỹ thuật của VT HK

1. Cảng hàng không/sân bay (Airport)

Đ23, chương III, Luật HKDD VN 1992, cảng HK là 1 tổ hợp công trình (sân bay, nhà ga, trang thiết bị, công trình mặt đất cần thiết khác) được sử dụng cho máy bay đi và đến, thực hiện dịch vụ vận chuyển HK.

II. Cơ sở vật chất kỹ thuật của VT HK

2. Máy bay (aircraft, airplane)

- Đn: Là 1 loại thiết bị bay, hoạt động trên cơ sở tương tác với không khí.
- Phân loại:
 - + Căn cứ vào đối tượng chuyên chở \Rightarrow
 - + Căn cứ vào nước sản xuất máy bay chủ yếu
 - + Căn cứ vào động cơ
 - + Căn cứ vào số ghế \Rightarrow

II. Cơ sở vật chất kỹ thuật của VT HK

3. Các trang thiết bị xếp dỡ vận chuyển hàng hoá

ULD (Unit Load Devices) có kích thước tiêu chuẩn, phù hợp với kích thước khoang máy bay và là một bộ phận của máy bay. ➡

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK Việt Nam

- 1. Các tổ chức VT HK Việt Nam**
- 2. Chuyên chở hàng hoá XNK bằng đường HK VN**
 - a. Giao nhận hàng hoá XNK bằng đường HK VN**
 - b. Lập và phân phối AWB**
- 3. Cước phí HK Việt Nam**
- 4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN**
- 5. Khiếu nại và bồi thường**

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường hàng không Việt Nam

1. Các tổ chức VT HK Việt Nam

- Hãng HK quốc gia (Vietnam Airlines)
- Hãng HK cổ phần Pacific Airlines (Vietnam Airlines chiếm 40% vốn pháp định)
- Công ty bay dịch vụ Việt Nam VASCO
- Tổng công ty bay dịch vụ Việt Nam SFC thuộc Bộ Quốc phòng

VN có hơn 30 hãng HK quốc gia và khu vực khác nhau hoạt động

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

2. Chuyên chở hàng hoá XNK bằng đường HK VN

a. Giao nhận hàng hoá XNK bằng đường HK Việt Nam

+ Giao hàng XK:

- ① Lấy HĐ uỷ thác, tờ khai hải quan hàng XK, giấy phép XK, bản kê chi tiết hàng hóa, bản lược khai hàng hóa; nhận hàng từ chủ uỷ thác(người XK)
- ② Giao hàng cho người chuyên chở \Rightarrow
- ③ Thanh toán cước và các chi phí
- ④ Thông báo cho người nhận hàng ở sân bay đến \Rightarrow
- ⑤ Kết toán chi phí giao nhận, đòi tiền chủ uỷ thác và thanh lí HĐ

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

2. Chuyên chở hàng hoá XNK bằng đường HK VN

a. Giao nhận hàng hoá XNK bằng đường HK Việt Nam

+ Nhận hàng NK

- ① Lấy HĐ uỷ thác từ chủ hàng NK
- ② Chuyển 1 số chứng từ cho chủ hàng để chủ hàng làm thủ tục NK cho hàng/Ng GN làm thủ tục HQ và nhận hàng tại kho của hãng HK
- ③ Giao hàng cho chủ hàng tại kho của sân bay
- ④ Kết toán chi phí giao nhận, đòi tiền chủ hàng và thanh lí HĐ

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

2. Chuyên chở hàng hoá XNK bằng đường HK VN

b. Lập và phân phối AWB

AWB: các hãng HK phát hành theo mẫu tiêu chuẩn của IATA (IATA Standard Form).

- Lập AWB: người gửi hàng, 3 bản chính

- bản thứ 1 người gửi hàng ký, được giao cho người vận chuyển
- bản thứ 2 do người gửi hàng và người vận chuyển ký, được giao cho người nhận hàng
- bản thứ 3 do người vận chuyển ký, được giao cho người gửi hàng sau khi nhận hàng.

→ người lập AWB kí vào ô xác nhận (Shipper's Certification Box). ➡

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

2. Chuyên chở hàng hoá XNK bằng đường HK VN

b. Lập và phân phối AWB

- Phân phối AWB

AWB được phát hành thành một bộ 9 hoặc 12 bản trong đó có 3 bản gốc (original) được đánh số 1, 2, 3; còn lại là các bản phụ (copy), được đánh số từ 4 đến 12.

AWB được phân phối như sau: ➡

→ 3 bản gốc, 2 bản copy thứ 4 (là biên lai giao hàng) và bản copy thứ 9 (dành cho đại lí của người chuyên chở phát hành vận đơn).

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

3. Cước phí HK Việt Nam

- Là khoản tiền mà người thuê phải trả cho người chuyên chở về việc vận chuyển lô hàng HK và các chi phí khác có liên quan.
- Mức cước (Rate): số tiền mà người chuyên chở thu trên một đơn vị khối lượng hoặc trọng lượng của hàng hoá vận chuyển.
- Cách XĐ cước:
 - + Căn cứ vào hàng hoá chuyên chở để xác định cước
 - + Căn cứ vào hành trình của máy bay ➡

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

3. Cước phí HK Việt Nam

Cước HK Việt Nam không bao gồm:

- Phí vận chuyển hàng hoá đi khỏi sân bay
- Phí lưu kho lưu bãi
- Phí bảo hiểm
- Phí dịch vụ thu tiền của người nhận ở sân bay đến.
- Chi phí đóng gói lại hàng hoá
- Chi phí vận chuyển hàng đi tiếp trên các phương thức VT khác
- Phí thu sau
- Chi phí liên quan tới các thủ tục hải quan

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN

Các nguồn luật

- Luật HK DD Việt Nam: thông qua 26/12/1991, có hiệu lực 1/1992, sửa đổi BS 20/4/1995, hiện đang được áp dụng.
- Luật HK DD VN thông qua 29/06/2006, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2007
- Điều lệ vận chuyển hàng hoá QT do hãng HK QG VN ban hành 27/10/1993.

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN

Thời hạn trách nhiệm: Đ25 Luật HK DD VN 1992, thời hạn trách nhiệm của người chuyên chở HK là thời gian người chuyên chở HK phải chịu trách nhiệm đối với hàng hoá, hành lý ký gửi hoặc hành khách trong quá trình chuyên chở bằng máy bay.

- Đối với hàng hoá, hành lý ký gửi
- Đối với hành khách

→ Rộng hơn về mặt không gian, thời gian so với các công ước quốc tế

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN

Cơ sở trách nhiệm: (trách nhiệm và miễn trách)
Đ74, 77 Luật HKDDVN 1992

- Trách nhiệm:

- Đối với hàng hoá, hành lý ký gửi:
 - + Chịu TN đ/v mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá, hành lý ký gửi trong q/trình chuyên chở hàng hoá.
 - + Chịu TN đ/v tổn thất thiệt hại do chậm giao
- Đối với hành khách: có TN bồi thường thiệt hại nếu hành khách chết, bị thương trong tàu bay, trong thời gian hành khách lên tàu bay hoặc rời tàu bay.

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN

Cơ sở trách nhiệm: (trách nhiệm và miễn trách)
Đ74, 77 Luật HKDDVN 1992

-Miễn trách:

- Do bản chất tự nhiên, khuyết tật vốn có (nội tì, ẩn tì của hàng hoá)
- Do hành động bắt giữ, cưỡng chế của cơ quan Nhà nước/toà án
- Do xung đột vũ trang hay chiến tranh
- Do lỗi của ng gửi hàng, ng nhận hàng, ng áp tải hàng

→ Cơ sở TN của Luật HKDDVN tương tự các CƯQT, nhiều miễn trách hơn

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN

Giới hạn trách nhiệm : khoản tiền lớn nhất người chuyên chở phải bồi thường cho chủ hàng đ/v 1 kg hàng hoá. (Đ76, Luật HKDDVN)

- Nếu hàng hoá có kê khai giá trị trên vận đơn (Declared value)
- Nếu người chuyên chở chứng minh được rằng giá trị thực tế nhỏ hơn giá trị kê khai
- Nếu hàng hoá không kê khai giá trị trên vận đơn (Non declared value)
- Nếu không xác định được giá trị thiệt hại thực tế

Mức bồi thường thiệt hại không vượt quá GHTN DSự

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN

Giới hạn trách nhiệm:

Luật HK DD VN 1992

- Hàng hoá và hành lý ký gửi: 20 USD/kg hay 9,07 USD/pound. Hàng hồng bao bì: 100 USD/bao bì
- Hàng hoá bị thất lạc: sau 14 ngày kể từ ngày hàng đáng lẽ phải được giao → bồi thường như tổn thất toàn bộ nếu khách hàng yêu cầu

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN

Giới hạn trách nhiệm:

Luật HK DD VN 1992

- Hành lý xách tay: 400 USD/hành khách.
- 1 điểm đi/đến/dừng thuộc Hoa Kỳ:
1.250USD/hành khách.
- người vận chuyển HK phải hoàn lại người gửi hàng cước phí, phụ phí vận chuyển số hàng hoá và hành lý ký gửi bị thiệt hại.

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

4. Trách nhiệm của người chuyên chở HK VN

Giới hạn trách nhiệm:

Luật HK DD VN 2006

- Đối với hành khách:
 - + 100.000 SDR/khách nếu tổn thất toàn bộ
 - + 4.150 SDR/khách nếu vận chuyển chậm
- Đối với hành lý (ký gửi và xách tay): 1000 SDR/kg
- Đối với hàng hoá: 17 SDR/kg.
- SDR đổi sang VND theo tỷ giá chính thức của NHNNVN

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

5. Khiếu nại và bồi thường

*** Thời hạn khiếu nại**

- Hàng hoá thiếu hụt, hư hỏng: 14 ngày kể từ ngày nhận hàng
- Hàng hoá mất: 21 ngày kể từ ngày hàng đáng lẽ phải trả.
- Hàng chậm giao: 21 ngày kể từ ngày hàng đáng lẽ phải được giao.
- Hành lý mất mát, hư hỏng, thiếu hụt: 7 ngày kể từ ngày nhận hành lý.

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

5. Khiếu nại và bồi thường

* Bộ hồ sơ khiếu nại

- Đơn thư khiếu nại.
- Chứng từ liên quan đến hàng hoá: Commercial Invoice, Packing list, GCN phẩm chất, số lượng, trọng lượng, xuất xứ CO...
- Chứng từ liên quan đến hành trình: VĐ, chứng từ VT.
- Chứng từ có liên quan đến tổn thất: tổn thất rõ rệt → COR, Survey Report; thiếu hàng → Certificate of Shortlanded Cargo
- Biên bản kết toán tiền đòi bồi thường

III. Vận chuyển hàng hoá XNK bằng đường HK VN

5. Khiếu nại và bồi thường

- * Thời hạn khởi kiện: 1 năm kể từ ngày hàng được vận chuyển tới sân bay đến hoặc kể từ ngày hàng đáng lẽ được vận chuyển tới sân bay đến hoặc kể từ ngày việc vận chuyển bị đình trệ.

IV. CHUYÊN CHỖ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

- 1. Các tổ chức vận tải hàng không quốc tế**
- 2. Cơ sở pháp lí của vận tải hàng không quốc tế**
- 3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường hàng không**
- 4. Cước phí trong vận tải hàng không quốc tế**
- 5. Trách nhiệm của người chuyên chở hàng không đối với hàng hoá**
- 6. Khiếu nại và kiện tụng người chuyên chở hàng không**

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

1. Các tổ chức vận tải hàng không quốc tế

a. ICAO -International Civil Aviation

Organization- tổ chức HK dân dụng QT(1947)

Mục đích ra đời:

- Thiết lập các nguyên tắc chung trong VTHKQT
- Đề ra các tiêu chuẩn KT chung trong CN VTHK
- Thúc đẩy HK dân dụng QT phát triển

Ngày 2/4/1980 Việt Nam gia nhập ICAO

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

1. Các tổ chức vận tải hàng không quốc tế

b. IATA-International Air Transport Association-
hiệp hội VT HKQT (1945)

Mục đích ra đời:

- Đẩy mạnh vận chuyển HK an toàn, thường xuyên, KT.
- Khuyến khích thương mại HK và nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến thương mại HK.
- Thống nhất các quy định, luật lệ, thể lệ QT về vận chuyển HK.
- Hợp tác với ICAO và các tổ chức QT khác.

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

1. Các tổ chức vận tải hàng không quốc tế

c. Đại lý hàng hoá HK (Air cargo Agency)

- Là người trung gian giữa chủ hàng và hãng HK.
- Đại lý hàng hoá IATA (IATA Cargo Agent) ⇒
- Người giao nhận hàng hoá hàng không (Air freight forwarder) ⇒

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

2. Cơ sở pháp lí của VT HK QT

- **Công ước Vacxava năm 1929**
- **Các văn bản sửa đổi BS công ước Vacxava**
 - NĐT Hague 1955 kí ngày 28/9/1955
 - Công ước BS công ước Vacxava kí tại Guadalajara (Mêhicô) ngày 18/9/1961
 - Hiệp định liên quan đến GH của công ước Vacxava và NĐT Hague, được thông qua tại Montreal 5/1966, → hiệp định Montreal 1966.
 - NĐT Guatemala 1971
 - NĐT Montreal số 1, 2, 3, 4 năm 1975

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường HK

- a. Vận đơn hàng không (Airway bill- AWB)
 - chứng từ vận chuyển hàng hoá và là bằng chứng của việc kí kết HĐ vận chuyển hàng hoá bằng máy bay, về điều kiện của HĐ và việc đã tiếp nhận hàng hoá để chuyên chở
 - không có khả năng lưu thông (Non negotiable)

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường HK

a. Vận đơn HK (Airway bill- AWB)

■ Phân loại

+ Căn cứ vào người phát hành:

- Vận đơn của hãng HK (Airline airway bill)
- Vận đơn trung lập (Neutral AWB)

+ Căn cứ vào dịch vụ gom hàng

- Vận đơn của người gom hàng (House AWB-HAWB)
- Vận đơn chủ (Master AWB-MAWB)

IV. CHUYÊN CHỖ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường HK

■ Chức năng

- ① Là bằng chứng của một HĐ VT bằng đường HK
- ② Là bằng chứng về việc nhận hàng để chở của hãng HK
- ③ Là hoá đơn thanh toán cước phí (Freight Bill)
- ④ Là GCN bảo hiểm (Insurance Certificate)
- ⑤ Là chứng từ kê khai hải quan cho hàng hoá (Customs Declaration)
- ⑥ Là bản hướng dẫn đối với nhân viên HK (the guide to the air staff).

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường HK

■ Nội dung của AWB

Mặt trước:

- Số vận đơn (AWB number)
- Tên địa chỉ người phát hành vận đơn (hãng HK)
- Sân bay xuất phát (airport of departure)
- Tham chiếu đến các bản gốc (References to Original)
- Tham chiếu đến các điều khoản của HĐ (References to conditions of Contract).
- Người gửi hàng (Shipper)

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKKQT

3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường HK

■ Nội dung của AWB

Mặt trước:

- Người nhận hàng (Consignee)
- Mã thanh toán cước (Charge Code)
- Đại lí của người chuyên chở phát hành (issuing carrier's agent)
- Thông tin thanh toán (accounting information)
- Tiền tệ thanh toán (Currency)
- Tuyến đường vận chuyển (routing)

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường HK

■ Nội dung của AWB

Mặt trước:

- Giá trị kê khai vận chuyển (Declared value for carriage)
- Giá trị khai báo hải quan (Declared value for customs)
- Số tiền bảo hiểm (Insurance Amount)
- Thông tin làm hàng (Handling information)
- Các chi phí khác
- Số kiện hàng gửi (Number of Pieces)

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường HK

■ Nội dung của AWB

Mặt sau: Chỉ có 3 bản gốc

- Thông báo liên quan đến trách nhiệm của người chuyên chở
- Các đk của hợp đồng:
 - phù hợp với quy định của các công ước QT về HK như công ước Vacxava 1929, các NĐT sửa đổi công ước.

IV. CHUYÊN CHỖ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

3. Chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường HK

b. Các chứng từ khác

- Commercial Invoice do người bán cấp
- Bản kê khai chi tiết hàng hoá
- Bản lược khai hàng hoá (Cargo Manifest)
- Thư chỉ dẫn của người gửi hàng (Shipper's Letter of Instruction) ➡
- Giấy kê khai hàng nguy hiểm
- Các GCN: số lượng, trọng lượng, phẩm chất, xuất xứ, GCN súc vật sống, GCN vũ khí đạn dược...
- Tờ khai hải quan hàng XNK

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

4. *Cước phí trong vận tải HK QT*

Mức cước áp dụng là mức cước công bố trong biểu cước hàng hoá có hiệu lực vào ngày phát hành VĐ.

- Cơ sở tính cước:
 - + Tính cước theo trọng lượng cả bì thực tế
 - + Tính cước theo thể tích hay dung tích chiếm chỗ trên máy bay
 - + Tính cước theo giá trị hàng

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

4. *Cước phí trong vận tải HK QT*

- Phụ thuộc:
 - + Khối lượng hàng hoá giao lưu
 - + Mức độ cạnh tranh
 - + Loại và số lượng hàng
 - + Trị giá hàng
 - + Nhu cầu làm hàng đặc biệt
- Công bố biểu cước: biểu cước hàng không-TACT (the air cargo tariff), gồm: ➡

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

4. Cước phí trong vận tải HK QT

- Nguyên tắc tính cước:

Tổng tiền cước = Tổng số đơn vị hàng hoá tính cước ×
Mức cước

- Phân loại

+ Cước hàng bách hoá (General Cargo Rate)

- Lô hàng bách hoá < 45 kg: áp dụng cước hàng bách hoá thông thường (GCR-N: Normal general cargo rate).

- Lô hàng từ 45 kg trở lên: áp dụng GCR- Q(Quantity General Cargo Rate) ⇒

+ Cước tối thiểu (Minimum Rate) MR:

+ Cước hàng đặc biệt (Special Cargo Rate) SCR ⇒

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

4. Cước phí trong vận tải HK QT

■ Phân loại

- + Cước phân loại hàng (Class Rate/Commodity Classification Rate) CR/CCR \Rightarrow
- + Cước tính chung cho mọi loại hàng (freight all kinds) FAK
- + Cước hàng chậm
- + Cước nhóm (Group Rate):
- + Cước hàng nhanh (priority rate):
- + Cước thống nhất (Unified Cargo Rate):
- + Cước thuê bao (Charter Rate)

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

5. Trách nhiệm của người chuyên chở HK

a. Công ước Vacxava 1929

■ Thời hạn trách nhiệm

- Là khoảng thời gian mà người chuyên chở phải chịu TN đối với hàng hoá trong q/tr vận chuyển bằng máy bay

■ Cơ sở trách nhiệm:

- Trách nhiệm: chịu TN trước những tổn thất thiệt hại đến với hàng hoá hoặc chậm giao gây tổn thất thiệt hại cho hàng trong quá trình chuyên chở.

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

5. Trách nhiệm của người chuyên chở HK

a. Công ước Vacxava 1929

■ Cơ sở trách nhiệm:

- Miễn trách:

- + Nếu CM được rằng anh ta và đại lý của anh ta đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để ngăn ngừa hạn chế nhưng tổn thất vẫn xảy ra (Presumed Fault)
- + Nếu CM được rằng hàng hoá tổn thất do lỗi của chỉ huy, hoa tiêu, người vận hành máy bay

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

5. Trách nhiệm của người chuyên chở HK

a. Công ước Vacxava 1929

■ Giới hạn trách nhiệm

- + Nếu hàng hoá có kê khai giá trị trên vận đơn hoặc xác định được giá trị
- + Nếu không kê khai giá trị
- Hàng hoá: 250 fr/kg (hàm lượng vàng 65,5 mgr, độ tinh khiết 900/1000)
- Hành lí ký gửi: bồi thường như hàng hoá
- Tư trang, hành lý xách tay: hãng HK bồi thường khi máy bay bị rơi hoặc do lỗi của hãng HK, 500fr/khách
- Hành khách: 125.000 fr/khách

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

5. Trách nhiệm của người chuyên chở HK

b. Sửa đổi bổ sung CƯ Vacxava về TN của người chuyên chở

■ NĐT Hague 1955

- xoá bỏ miễn trách khi hàng hoá bị tổn thất do lỗi trong việc chỉ huy và điều khiển máy bay.
- hưởng thêm 1 miễn trách khi mất mát, hư hại của hàng hoá là do ẩn tì, nội tì và bản chất của hàng hoá
- GH TN: nếu hàng hoá không được kê khai trên VĐ: 250fr/kg. GH TN đ/v hành khách tăng gấp đôi, 250.000 fr/hành khách.

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

5. *Trách nhiệm của người chuyên chở HK*

b. Sửa đổi bổ sung CƯ Vacxava về TN của người chuyên chở

- Công ước Guadalazara 1961: TN của người chuyên chở thực tế và người chuyên chở theo hợp đồng

-Người chuyên chở theo hợp đồng (Contracting Carrier)

-Người chuyên chở thực tế (Actual Carrier)

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

5. *Trách nhiệm của người chuyên chở HK*

b. Sửa đổi bổ sung CƯ Vacxava về TN của người chuyên chở

■ Nghị định thư Guatemala 1971

- Nếu hàng hoá bị mất mát, hư hại hay giao chậm một phần, trọng lượng xác định số tiền bồi thường là trọng lượng của 1 hay nhiều kiện hàng bị tổn thất.
- Nếu phần hàng hoá bị mất mát, hư hại hay giao chậm ảnh hưởng tới giá trị của các kiện hàng khác ghi trong cùng VĐ HK:

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

5. Trách nhiệm của người chuyên chở HK

b. Sửa đổi bổ sung CU' Vacxava về TN của người chuyên chở

Nghị định thư Montreal số 1, 2, 3, 4:

- GHTN: SDR, đ/v hàng hoá 250 fr vàng/kg → 17 SDR/kg.
- Tăng thêm miễn trách khi hàng hoá bị mất mát hư hại do:
 - Thiếu sót khi đóng gói hàng hoá nếu người chuyên chở không thực hiện việc đóng gói hàng hoá
 - Hành động chiến tranh hoặc xung đột vũ trang
 - Hành động do chính quyền nhân dân thực hiện có liên quan tới XNK và quá cảnh.

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

6. Khiếu nại và kiện tụng người chuyên chở HK

- Thời hạn khiếu nại
 - Theo Vacxava, đ/v hàng hoá tổn thất thiệt hại: trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận hàng (NĐT Hague 14 ngày)
 - Theo Vacxava, đ/v chậm giao: trong vòng 14 ngày kể từ ngày hàng đáng lẽ phải được đặt dưới sự định đoạt của người nhận hàng (NĐT Hague 21 ngày)

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

6. Khiếu nại và kiện tụng người chuyên chở HK

- Bộ hồ sơ khiếu nại
 - Đơn thư khiếu nại:
 - AWB
 - Các chứng từ liên quan tới hàng hoá (hoá đơn thương mại, GCN)
 - Các chứng từ có liên quan tới tổn thất
 - Biên bản kết toán tiền đòi bồi thường (gồm tiền đòi bồi thường tổn thất và các chi phí khác có liên quan)

IV. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

6. Khiếu nại và kiện tụng người chuyên chở HK

* Kiện:

- Người đi kiện: chủ hàng (chủ gửi hoặc chủ nhận)
- Người bị kiện:
 - Người chuyên chở đầu tiên
 - Người chuyên chở cuối cùng
 - Người chuyên chở mà ở đoạn chuyên chở của họ hàng hoá bị tổn thất
- Thời gian khởi kiện: trong vòng 2 năm kể từ ngày máy bay đến điểm đến/kể từ ngày lễ ra máy bay phải đến điểm đến/kể từ ngày việc vận chuyển chấm dứt.

IV. CHUYÊN CHỖ HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HKQT

6. Khiếu nại và kiện tụng người chuyên chở HK

* Kiến:

- Nơi kiện

- Tòa án nơi ở cố định của người chuyên chở
- Tòa án nơi người chuyên chở có trụ sở kinh doanh chính
- Tòa án nơi người chuyên chở có trụ sở mà HĐ chuyên chở được ký kết
- Tòa án có thẩm quyền tại nơi hàng đến
- Tòa án thuộc lãnh thổ của một trong các bên kí công ước